

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính, phê duyệt quy trình điện tử, quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cư trú số 68/2020/QH14 ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú;

Căn cứ Quyết định 370/QĐ-BCA-C06 ngày 16/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 148/TTr-CAT-PC06 ngày 04 tháng 02 năm 2025,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính, phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

1. Ban hành mới 02 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã, gồm:

- Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở;



- Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới.

2. Sửa đổi, bổ sung 06 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an cấp xã, gồm:

- Đăng ký thường trú;
- Xóa đăng ký thường trú;
- Khai báo thông tin về cư trú đối với người chưa đủ điều kiện đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú;
- Đăng ký tạm trú;
- Gia hạn tạm trú;
- Xóa đăng ký tạm trú.

(Danh mục thủ tục hành chính và quy trình thực hiện kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Công an tỉnh, UBND cấp xã và các cơ quan đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên trang thông tin điện tử, tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho người dân theo thẩm quyền quy định tại Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Công an tỉnh cập nhật nội dung các thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính của Chính phủ.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Công an tỉnh, UBND cấp xã thực hiện cập nhật nội dung các thủ tục hành chính, cấu hình quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi bổ sung theo Quyết định này lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh. Thực hiện cấu hình, tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Công an;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (1022);
- Lưu: VT, THNC, HCC, Cổng TTĐT tỉnh.



**Nguyễn Sơn Hùng**



DANH MỤC  
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LIÊN QUAN  
ĐẾN LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CƯ TRÚ ĐƯỢC THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

*(Kèm theo Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)*

S T T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý của TTHC	Ghi chú
1		Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai đề nghị xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở.	Nộp hồ sơ bằng phương thức trực tiếp, trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích đến cơ quan đăng ký cư trú. Cơ quan quan đăng ký cư trú có trách nhiệm chuyển hồ sơ đến UBND cấp xã.	UBND cấp xã	Không quy định	-Luật Cư trú số 68/2020/QH14 -Nghị định 154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 370/QĐ-BCA-C06 ngày 16/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công an.
2		Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở	Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai xác nhận tình trạng chỗ ở hợp pháp, diện tích nhà ở tối thiểu để	Nộp hồ sơ bằng phương thức trực tiếp, trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích đến cơ	UBND cấp xã	Không quy định	-Luật Cư trú số 68/2020/QH14 -Nghị định	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 370/QĐ-BCA-C06 ngày 16/01/2025 của Bộ trưởng Bộ



S T T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý của TTHC	Ghi chú
		nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới.	đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú.	quan đăng ký cư trú. Cơ quan quan đăng ký cư trú có trách nhiệm chuyển hồ sơ đến UBND cấp xã.			154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024	Công an về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công an.
3	1.004222	Đăng ký thường trú	Không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký cư trú hoặc trực tuyến qua cổng dịch vụ công, ứng dụng VNelD, dịch vụ công trực tuyến khác theo quy định của pháp luật. - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến cơ quan đăng ký cư trú (áp dụng đối với trường hợp công dân nộp hồ sơ đăng ký cư trú và Từ khai đề nghị xác nhận nơi thường xuyên đầu, đổ; sử	Công an cấp xã	- Nộp hồ sơ trực tiếp 20.000 đồng/lần đăng ký; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích 20.000 đồng/lần đăng ký; - Nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến 10.000 đồng/lần đăng ký.	-Luật Cư trú số 68/2020/QH14 -Nghị định 154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024 -Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an -Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an -Thông tư số 57/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an -Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17/11/2023 của Bộ Công an. -Thông tư số 190/2021/TT-BQP ngày	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 370/QĐ-BCA-C06 ngày 16/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công an.



S T T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý của TTHC	Ghi chú
				dùng phương tiện vào mục đích để ở).			31/12/2021 của Bộ Quốc phòng; -Thông tư số 75/2022/TT- BTC ngày 22/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
4	1.003197	Xóa đăng ký thường trú	Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký cư trú hoặc trực tuyến qua cổng dịch vụ công, ứng dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến khác theo quy định của pháp luật. - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến cơ quan đăng ký cư trú.	Công an cấp xã	Không quy định	-Luật Cư trú số 68/2020/QH14 -Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024 của Chính phủ -Thông tư số 55/2021/TT- BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an -Thông tư số 56/2021/TT- BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an -Thông tư số 57/2021/TT- BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an -Thông tư số 66/2023/TT- BCA ngày 17/11/2023 của Bộ Công an	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 370/QĐ-BCA-C06 ngày 16/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc
5	1.010040	Khai báo thông tin về cư trú đối với người chưa đủ điều kiện đăng ký thường trú, đăng ký tạm	- Đối với trường hợp công dân đã có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận thông tin khai báo cơ quan đăng ký	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký cư trú hoặc trực tuyến qua cổng dịch vụ công, ứng dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến	Công an cấp xã	Không quy định	-Luật Cư trú số 68/2020/QH14 -Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024 của Chính phủ -Thông tư số 55/2021/TT- BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 370/QĐ-BCA-C06 ngày 16/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc



S T T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý của TTHC	Ghi chú
		trú	<p> cư trú phải tiến hành xác minh thông tin.</p> <p>- Đối với trường hợp công dân chưa có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận thông tin cơ quan đăng ký cư trú phải tiến hành xác minh thông tin, phức tạp có thể kéo dài nhưng không quá 60 ngày.</p> <p>Sau khi kiểm tra, xác minh, cơ quan đăng ký cư trú cập nhật thông tin của công dân về nơi ở hiện tại và các thông tin khác vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú và thông báo cho người đã khai báo về việc đã cập nhật thông tin, cấp xác nhận thông tin về cư trú cho công dân.</p>	<p>khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến cơ quan đăng ký cư trú.</p>			<p>- Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an</p> <p>- Thông tư số 57/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an</p> <p>- Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17/11/2023 của Bộ Công an</p>	<p>công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công an.</p>
6	1.004194	Đăng ký tạm trú	<p>Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.</p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký cư trú hoặc trực tuyến qua cổng dịch</p>	Công an cấp xã	<p>- Đăng ký tạm trú (cả nhân, hộ gia đình):</p>	<p>- Luật Cư trú số 68/2020/QH14</p> <p>- Nghị định 154/2024/NĐ-CP ngày</p>	<p>Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 370/QĐ-BCA-C06</p>



S T T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý của TTHC	Ghi chú
				Vụ công, ứng dụng VNelD, dịch vụ công trực tuyến khác theo quy định của pháp luật.		<p>+ Nộp hồ sơ trực tiếp 15.000 đồng/lần đăng ký;</p> <p>+ Nộp hồ sơ qua công dịch vụ công trực tuyến 7.000 đồng/lần đăng ký;</p> <p>- Đăng ký tạm trú theo danh sách:</p> <p>+ Nộp hồ sơ trực tiếp thu 10.000 đồng/người/lần đăng ký;</p> <p>+ Nộp hồ sơ qua công dịch vụ công trực tuyến thu 5.000 đồng/người/lần đăng ký;</p>	<p>26/11/2024 của Chính phủ</p> <p>-Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an</p> <p>-Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an</p> <p>-Thông tư số 57/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an</p> <p>-Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17/11/2023 của Bộ Công an</p> <p>-Thông tư 190/2021/TT-BQP ngày 31/12/2021 của Bộ Quốc phòng;</p> <p>-Thông tư số 75/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	<p>ngày 16/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công an.</p>
7	1.002755	Gia hạn tạm trú	Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký cư trú hoặc trực tuyến qua công dịch	Công an cấp xã	- Đăng ký tạm trú (cá nhân, hộ gia đình):	-Luật Cư trú số 68/2020/QH14 -Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 370/QĐ-BCA-C06



S T T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý của TTHC	Ghi chú
				vụ công, ứng dụng VNelD, dịch vụ công trực tuyến khác theo quy định của pháp luật.		<p>+ Nộp hồ sơ trực tiếp 15.000 đồng/lần đăng ký;</p> <p>+ Nộp hồ sơ qua công dịch vụ công trực tuyến 7.000 đồng/lần đăng ký;</p> <p>- Đăng ký tạm trú theo danh sách:</p> <p>+ Nộp hồ sơ trực tiếp thu 10.000 đồng/người/lần đăng ký;</p> <p>+ Nộp hồ sơ qua công dịch vụ công trực tuyến thu 5.000 đồng/người/lần đăng ký;</p>	<p>26/11/2024 của Chính phủ</p> <p>-Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an</p> <p>-Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an</p> <p>-Thông tư số 57/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an</p> <p>-Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17/11/2023 của Bộ Công an</p> <p>-Thông tư số 190/2021/TT-BQP ngày 31/12/2021 của Bộ Quốc phòng;</p> <p>-Thông tư số 75/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	<p>ngày 16/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công an.</p>
8	1.010028	Xóa đăng ký tạm trú	Không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký cư trú hoặc trực tuyến qua công dịch vụ công, ứng dụng	Công an cấp xã	Không quy định	-Luật Cư trú số 68/2020/QH14 -Nghị định số 154/2024/ND-CP ngày	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 370/QĐ-BCA-C06 ngày 16/01/2025



S T T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý của TTHC	Ghi chú
				VNeID, dịch vụ công trực tuyến khác theo quy định của pháp luật. - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến cơ quan đăng ký cư trú.			26/11/2024 của Chính phủ -Thông tư số 55/2021/TT- BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an -Thông tư số 56/2021/TT- BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an -Thông tư số 57/2021/TT- BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an -Thông tư số 66/2023/TT- BCA ngày 17/11/2023 của Bộ Công an.	của Bộ trưởng Bộ Công an về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công an.



**QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ**  
**GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LIÊN QUAN**  
**ĐẾN LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CƯ TRÚ ĐƯỢC THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

**PHẦN I**  
**DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ**

S T T	Mã TTHC	Tên quy trình	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cầu hình trên phần mềm Egov	Số trang
1		Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích đề ở.	Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai đề nghị xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích đề ở.	Nộp hồ sơ bằng phương thức trực tiếp, trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích đến cơ quan đăng ký cư trú. Cơ quan quan đăng ký cư trú có trách nhiệm chuyển hồ sơ đến UBND cấp xã.	Ban hành mới	
2		Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng	Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai xác nhận tình trạng chỗ ở hợp pháp, diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú.	Nộp hồ sơ bằng phương thức trực tiếp, trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích đến cơ quan đăng ký cư trú. Cơ quan quan đăng ký cư trú có trách nhiệm chuyển hồ sơ đến UBND cấp xã.	Ban hành mới	



		đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thương trú mới.				
3	1.004222	Đăng ký thương trú	Không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"><li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký cư trú hoặc trực tuyến qua cổng dịch vụ công, ứng dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến khác theo quy định của pháp luật.</li><li>- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến cơ quan đăng ký cư trú (áp dụng đối với trường hợp công dân nộp hồ sơ đăng ký cư trú và Tờ khai đề nghị xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở).</li></ul>	Được sửa đổi, bổ sung	
4	1.003197	Xóa đăng ký thương trú	Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"><li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký cư trú hoặc trực tuyến qua cổng dịch vụ công, ứng dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến khác theo quy định của pháp luật.</li><li>- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến cơ quan đăng ký cư trú.</li></ul>	Được sửa đổi, bổ sung	
5	1.010040	Khai báo thông tin về cư trú đối với người chưa đủ điều kiện đăng ký thương trú, đăng ký tạm trú	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đối với trường hợp công dân đã có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận thông tin khai báo cơ quan đăng ký cư trú phải tiến hành xác minh thông tin.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký cư trú hoặc trực tuyến qua cổng dịch vụ công, ứng dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến khác theo quy định của pháp luật.</li><li>- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính</li></ul>	Được sửa đổi, bổ sung	



			<p>- Đối với trường hợp công dân chưa có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận thông tin cơ quan đăng ký cư trú phải tiến hành xác minh thông tin, phức tạp có thể kéo dài nhưng không quá 60 ngày.</p> <p>Sau khi kiểm tra, xác minh, cơ quan đăng ký cư trú cập nhật thông tin của công dân về nơi ở hiện tại và các thông tin khác vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú và thông báo cho người đã khai báo về việc đã cập nhật thông tin, cấp xác nhận thông tin về cư trú cho công dân.</p>	công ích đến cơ quan đăng ký cư trú.		
6	1.004194	Đăng ký tạm trú	<p>Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.</p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký cư trú hoặc trực tuyến qua cổng dịch vụ công, ứng dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến khác theo quy định của pháp luật.</p>	Được sửa đổi, bổ sung	
7	1.002755	Gia hạn tạm trú	<p>Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.</p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký cư trú hoặc trực tuyến qua cổng dịch vụ công, ứng dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến khác theo quy định của pháp luật.</p>	Được sửa đổi, bổ sung	
8	1.010028	Xóa đăng ký tạm trú	<p>Không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký cư trú hoặc trực tuyến qua cổng dịch vụ công, ứng dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến khác theo quy định của pháp luật.</p>	Được sửa đổi,	



**1. Thủ tục:** Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích đề ở.

**Thời gian giải quyết:** Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai đề nghị xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích đề ở.

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (không quá 02 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân.			
Cơ quan quan đăng ký cư trú có trách nhiệm chuyển Tờ khai đến Ủy ban nhân dân cấp xã.		Công an cấp xã	01 ngày
Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì xác nhận và chuyển hồ sơ cho cơ quan đăng ký cư trú để xem xét, giải quyết đăng ký cư trú cho công dân; + Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì từ chối và trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do và chuyển văn bản và hồ sơ cho cơ quan đăng ký cư trú để xem xét, giải quyết đăng ký cư trú cho công dân.		UBND cấp xã	01 ngày



**2. Thủ tục:** Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới.

**Thời gian giải quyết:** Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai xác nhận tình trạng chỗ ở hợp pháp, diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú.

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (không quá 02 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân.		UBND cấp xã	01 ngày
Trường hợp công dân nộp hồ sơ đề nghị xác nhận tới cơ quan đăng ký cư trú cùng hồ sơ đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm chuyển hồ sơ đề nghị xác nhận đến Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, giải quyết.		Công an cấp xã	
Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và cấp giấy hẹn trả kết quả cho công dân; + Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì từ chối và trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do và trả kết quả cho công dân.		UBND cấp xã	01 ngày
Căn cứ ngày hẹn trả kết quả để nhận kết quả giải quyết thủ tục xác nhận.		Cá nhân/ UBND cấp xã	



### 3. Thủ tục: Đăng ký thường trú

**Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (không quá 07 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân.		Công an cấp xã	01 ngày làm việc
<p>Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thường trú, cơ quan đăng ký cư trú kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ; thực hiện khai thác thông tin chứng minh về chỗ ở hợp pháp, quan hệ nhân thân do công dân cung cấp trong trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên hệ thống gia về dân cư và xác thực điện tử qua Ứng dụng định danh quốc gia hoặc trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Kho quản lý dữ liệu điện tử tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác. Trường hợp không khai thác được thông tin thì cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm ngành kiểm tra, xác minh để giải quyết thủ tục về cư trú; công dân có trách nhiệm cung cấp bản sao, bản chụp, bản điện tử một trong các giấy tờ, tài liệu chứng minh về chỗ ở hợp pháp khi cơ quan đăng ký cư trú có yêu cầu.</p>		Công an cấp xã	
<p>- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ và cấp Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu CT04 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA) cho người đăng ký.</p> <p>+ Chuyển hồ sơ đề nghị cấp văn bản đồng ý cho giải quyết thường trú đến cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi công dân đề nghị đăng ký thường trú (kèm hồ sơ đề nghị đăng ký thường trú) để kiểm tra, xác minh và đề nghị cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh Bộ Công an xem xét cấp văn bản đồng ý cho giải quyết thường trú đối với trường hợp công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài không có hộ chiếu Việt Nam còn giá trị sử dụng (nếu có).</p>		Công an cấp xã	



+ Chuyển hồ sơ đề nghị xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở hoặc hồ sơ đề nghị xác nhận tình trạng chỗ ở hợp pháp, diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú đến Ủy ban nhân dân cấp xã để xem xét, giải quyết theo quy định (nếu có).			
- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện nhưng chưa đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định của pháp luật thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện và cấp Phiếu hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu CT05 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT- BCA) cho người đăng ký;	Công an cấp xã		
- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì từ chối và cấp Phiếu từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ (Mẫu CT06 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT- BCA) cho người đăng ký.	Công an cấp xã		
- Thu lệ phí đăng ký thường trú theo quy định.	Công an cấp xã		
- Cơ quan đăng ký cư trú tiến hành thẩm định, xử lý hồ sơ.	Công an cấp xã	06 ngày làm việc	
- Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận thông báo kết quả giải quyết thủ tục đăng ký cư trú (nếu có).	Cả nhân/ Công an cấp xã		



#### 4. Thủ tục: Xóa đăng ký thường trú

**Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (không quá 05 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân		Công an cấp xã	01 ngày làm việc
<p>Khi tiếp nhận hồ sơ xóa đăng ký thường trú, cơ quan đăng ký cư trú kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ và cấp Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (mẫu CT04 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA) cho người đăng ký;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện nhưng chưa đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định của pháp luật thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện và cấp Phiếu hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (mẫu CT05 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA) cho người đăng ký;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì từ chối và cấp Phiếu từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ (mẫu CT06 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA) cho người đăng ký.</li> </ul>		Công an cấp xã	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan đăng ký cư trú tiến hành thẩm định, xử lý hồ sơ</li> </ul>		Công an cấp xã	04 ngày làm việc
<p>Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận thông báo kết quả giải quyết thủ tục đăng ký cư trú (nếu có).</p>		Cá nhân/ Công an cấp xã	



**5. Thủ tục: Khai báo thông tin về cư trú đối với người chưa đủ điều kiện đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú Thời gian giải quyết:**

- Không quá 05 ngày làm việc đối với trường hợp công dân đã có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;
- Không quá 30 ngày làm việc đối với trường hợp công dân chưa có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Trường hợp phức tạp có thể kéo dài nhưng không quá 60 ngày.

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân		Công an cấp xã	01 ngày làm việc
Khi tiếp nhận hồ sơ khai báo thông tin về cư trú đối với người chưa đủ điều kiện đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, cơ quan đăng ký cư trú kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:  - Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ và cấp Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (mẫu CT04 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA) cho người đăng ký;  - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện nhưng chưa đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định của pháp luật thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện và cấp Phiếu hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (mẫu CT05 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA) cho người đăng ký;  - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì từ chối và cấp Phiếu từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ (mẫu CT06 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA) cho người đăng ký.		Công an cấp xã	01 ngày làm việc
- Cơ quan đăng ký cư trú tiến hành thẩm định, xử lý hồ sơ			
+ Đối với trường hợp công dân đã có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;		Công an cấp xã	05 ngày làm việc
+ Đối với trường hợp công dân chưa có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;			30 ngày làm việc



+ Đối với trường hợp phức tạp.

Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận thông báo kết quả giải quyết thủ tục đăng ký cư trú (nếu có).

		60 ngày làm việc
Cá nhân/ Công an cấp xã		

## 6. Thủ tục: Đăng ký tạm trú

**Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (không quá 03 ngày)
<p>Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân.</p> <p>Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký tạm trú, cơ quan đăng ký cư trú kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ; thực hiện khai thác chứng minh về chỗ ở hợp pháp do công dân cung cấp trong trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên hệ thống định danh và xác thực điện tử qua Ứng dụng định danh quốc gia hoặc trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Kho quản lý dữ liệu điện tử tổ chức, cá nhân trên Công dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác. Trường hợp không khai thác được thông tin thì cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm kiểm tra, xác minh để giải quyết thủ tục về cư trú; công dân có trách nhiệm cung cấp bản sao, bản chụp, bản điện tử một trong các giấy tờ, tài liệu chứng minh về chỗ ở hợp pháp khi cơ quan đăng ký cư trú có yêu cầu.</p>		Công an cấp xã	01 ngày làm việc
<p>- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ và cấp Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (mẫu CT04 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA) cho người đăng ký;</p>			



+ Chuyển hồ sơ đề nghị xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích đề ở hoặc hồ sơ đề nghị xác nhận tình trạng chỗ ở hợp pháp, điện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú đến UBND cấp xã để xem xét, giải quyết theo quy định (nếu có).			
- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện nhưng chưa đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định của pháp luật thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện và cấp Phiếu hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (mẫu CT05 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA) cho người đăng ký;			
- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì từ chối và cấp Phiếu từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ (mẫu CT06 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA) cho người đăng ký.			
- Thu lệ phí đăng ký tạm trú theo quy định.			
- Cơ quan đăng ký cư trú tiến hành thẩm định, xử lý hồ sơ		Công an cấp xã	02 ngày làm việc
- Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận thông báo kết quả giải quyết thủ tục đăng ký cư trú (nếu có).		Cả nhân/ Công an cấp xã	



### 7. Thủ tục: Gia hạn tạm trú

**Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (không quá 03 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân			
<p>Khi tiếp nhận hồ sơ gia hạn tạm trú, cơ quan đăng ký cư trú kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ và cấp Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (mẫu CT04 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA) cho người đăng ký;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện nhưng chưa đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định của pháp luật thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện và cấp Phiếu hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (mẫu CT05 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA) cho người đăng ký;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì từ chối và cấp Phiếu từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ (mẫu CT06 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA) cho người đăng ký.</li> </ul>		Công an cấp xã	01 ngày làm việc
Thu lệ phí gia hạn tạm trú theo quy định.			
- Cơ quan đăng ký cư trú tiến hành thẩm định, xử lý hồ sơ		Công an cấp xã	02 ngày làm việc
<p>Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận thông báo kết quả giải quyết thủ tục đăng ký cư trú (nếu có).</p>		Cá nhân/ Công an cấp xã	



### 8. Thủ tục: Xóa đăng ký tạm trú

**Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (không quá 03 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân			
<p>Khi tiếp nhận hồ sơ xóa đăng ký tạm trú, cơ quan đăng ký cư trú kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ và cấp Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (mẫu CT04 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA) cho người đăng ký;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện nhưng chưa đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định của pháp luật thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện và cấp Phiếu hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (mẫu CT05 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA) cho người đăng ký;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì từ chối và cấp Phiếu từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ (mẫu CT06 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA) cho người đăng ký.</li> </ul>		Công an cấp xã	01 ngày làm việc
- Cơ quan đăng ký cư trú tiến hành thẩm định, xử lý hồ sơ		Công an cấp xã	02 ngày làm việc
Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận thông báo kết quả giải quyết thủ tục đăng ký cư trú (nếu có).		Cá nhân/ Công an cấp xã	